|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT ………………. | **Chữ kí GT1:** ........................... |
| **TRƯỜNG THPT**………………. | **Chữ kí GT2:** ........................... |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1**

**ĐỊA LÍ 12**

**NĂM HỌC: 2023 - 2024**

**Thời gian làm bài: 45 phút *(****Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** …………………………………… **Lớp**:………………..**Số báo danh:** …………………………….……**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

 *Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:*

Câu 1: Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là

 A. sông Cả và sông Mã. B. sông Đà và sông Lô.

 C. sông Hồng và sông Mã. D. sông Hồng và sông Cả.

Câu 2: Phát biểu nào đúng khi nói về đai ôn đới gió mùa trên núi ?

 A. Có tính chất khí hậu cận nhiệt. B. Mưa nhiều hơn và độ ẩm tăng.

 C. Nhiệt độ mùa đông dưới 6oC. D. Quanh năm nhiệt độ dưới 150C.

Câu 3: Tính chất nào sau đây không phải là đặc điểm của sông ngòi Duyên hải miền Trung?

 A. Dòng sông ngắn và dốc. B. Lòng sông cạn và nhiều cồn cát.

 C. Lũ lên, xuống chậm và kéo dài. D. Chế độ nước thất thường.

Câu 4: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

 A. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

 B. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

 C. rừng xích đạo gió mùa.

 D. rừng cận xích đạo gió mùa.

Câu 5: Điểm giống nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

 A. nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

 B. đồi núi thấp chiếm ưu thế.

 C. có nhiều sơn nguyên, cao nguyên rộng lớn.

 D. có nhiều khối núi cao đồ sộ.

Câu 6: Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất diễn ra ở

 A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 7: Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là

 A. duyên hải Nam Trung Bộ. B. vịnh Thái Lan.

 C. vịnh Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 8: Vùng đặc quyền kinh tế của nước ta rộng 200 hải lí được tính từ

 A. đường cơ sở trở ra. B. ngấn nước thấp nhất của thuỷ triều trở ra.

 C. vùng có độ sâu 200m. D. giới hạn ngoài của vùng lãnh hải trở ra.

Câu 9: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta vừa giáp với Lào vừa giáp với Campuchia ?

 A. Gia Lai. B. Quảng Nam. C. Sơn La. D. KonTum.

Câu 10: Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa không có loại rừng nào sau đây ?

 A. Rừng thường xanh trên đá vôi.

 B. Rừng lá kim trên đất feralit đỏ vàng.

 C. Rừng ngập mặn trên đất mặn ven biển.

 D. Rừng tràm trên đất phèn.

Câu 11: Cho biểu đồ:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI



Hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về nhiệt độ, lượng mưa trung bình tháng ở Hà Nội?

 A. Chế độ mưa có sự phân mùa.

 B. Nhiệt độ các tháng trong năm khá đều.

 C. Tháng XII có nhiệt độ dưới 150C.

 D. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VII.

Câu 12: Điểm khác chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là

 A. địa hình bị chia cắt thành nhiều ô ruộng.

 B. thủy triều xâm nhập đồng bằng về mùa cạn.

 C. diện tích rộng hơn đồng bằng sông Cửu Long.

 D. hệ thống kênh rạch chằng chịt.

Câu 13: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết loại đất nào chiếm diện tích nhỏ nhất ở đồng bằng sông Cửu Long ?

 A. Đất mặn. B. Đất phù sa sông.

 C. Đất cát biển. D. Đất xám.

Câu 14: Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái của vùng nhiệt đới gió mùa?

 A. Vùng núi Đông Trường Sơn. B. Vùng núi Đông Bắc.

 C. Vùng núi thấp Tây Bắc. D. Vùng núi cao Tây Bắc.

Câu 15: Dựa vào bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm từ Bắc vào Nam

|  |  |
| --- | --- |
| Địa điểm | Nhiệt độ trung bình năm (o C) |
| Lạng Sơn | 21,2 |
| Hà Nội | 23,5 |
| Vinh | 23,9 |
| Huế | 25,1 |
| Quy Nhơn | 26,8 |
| TP. Hồ Chí Minh | 27,1 |

Để thể hiện nhiệt độ trung bình năm từ Bắc vào Nam dạng biểu đồ thích hợp nhất là

 A. kết hợp. B. cột. C. tròn. D. cột chồng.

Câu 16: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

 A. hệ sinh thái rừng rậm thường xanh quanh năm.

 B. hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

 C. hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao.

 D. hệ sinh thái rừng nhiệt đới khô lá rộng và xa van, bụi gai nhiệt đới.

Câu 17: Nhiệt độ các tỉnh miền Bắc thấp vào mùa đông so với miền Nam vì:

 A. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.

 B. Miền Bắc hay có tuyết rơi.

 C. Miền Bắc có nhiều núi cao.

 D. Miền Bắc nằm xa Xích đạo nên lạnh.

Câu 18: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng IX cho Trung Bộ là

 A. gió Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới.

 B. gió Tây Nam.

 C. gió Đông Bắc cùng với dải hội tụ nhiệt đới.

 D. gió Đông Bắc.

Câu 19: Rừng ngập mặn ở nước ta phát triển mạnh nhất trên loại đất nào sau đây?

 A. Đất phù sa sông. B. Đất phù sa nhiễm mặn.

 C. Đất phù sa nhiễm phèn. D. Đất cát biển.

Câu 20: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, vì phía Bắc

 A. có một mùa hạ có gió fơn Tây Nam.

 B. có một mùa đông lạnh.

 C. nằm gần chí tuyến.

 D. gần chí tuyến, có một mùa hạ nóng.

Câu 21: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam ở nước ta là sông nào sau đây?

 A. sông Lục Nam. B. sông Cầu.

 C. sông Thương. D. sông Mã.

Câu 22: Sự khác nhau về thiên nhiên giữa vùng núi Đông - Tây chủ yếu là do

 A. gió mùa Đông Bắc.

 B. độ cao của núi và sự hoạt động của gió mùa.

 C. kinh tuyến.

 D. hướng của các dãy núi và sự hoạt động của gió mùa.

Câu 23: Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

 A. thường xuyên được bồi đắp phù sa.

 B. có nhiều ô trũng ngập nước.

 C. được canh tác nhiều nhất.

 D. không được bồi đắp phù sa hàng năm.

Câu 24: Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn miền Nam vì:

 A. Miền Nam ảnh hưởng gió mùa Tây Nam và vĩ độ thấp hơn.

 B. Miền Nam ảnh hưởng gió mùa Tây Nam và vĩ độ cao hơn.

 C. Miền Bắc có nền nhiệt cao hơn miền Nam.

 D. Miền Nam có nền nhiệt cao hơn Miền Bắc.

Câu 25: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

 A. gồm các dảy núi song song và so le.

 B. địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

 C. có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam.

 D. có địa hình cao nhất cả nước.

Câu 26: Hướng của dãy núi Hoàng Liên Sơn là

 A. Tây - Đông. B. Bắc - Nam.

 C. Đông Nam - Tây Bắc. D. Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 27: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết loại rừng nào chiếm diện tích nhỏ nhất ở nước ta ?

 A. Rừng trên núi đá vôi. B. Rừng ôn đới núi cao.

 C. Rừng trồng. D. Rừng tre nứa.

Câu 28: Đặc điểm nào sau đây không phải của đồng bằng ven biển Miền Trung ?

 A. Hẹp ngang, được chia thành ba dải.

 B. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng.

 C. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

 D. Được hình thành do các sông bồi đắp.

Câu 29: Đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa lớn cho

 A. Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

 B. Nam Bộ và Tây Nguyên.

 C. Tây Nguyên và duyên hải Miền Trung.

 D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 30: Gió Tây khô nóng không có ảnh hưởng ở vùng khí hậu nào sau đây?

 A. Vùng khí hậu Tây Nguyên. B. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.

 C. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.

Câu 31: Phát biểu nào đúng về vai trò quan trọng của Biển Đông đối với khí hậu Việt Nam?

 A. làm tăng tính nóng bức trong mùa hè.

 B. làm giảm độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.

 C. làm tăng tính chất khắc nghiệt của thời tiết.

 D. gây fơn cho nhiều vùng núi nước ta.

Câu 32: Sự khác biệt rõ rệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

 A. độ cao và hướng núi.

 B. sự tác động của con người.

 C. giá trị về kinh tế.

 D. hướng nghiêng.

Câu 33: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, hãy cho biết mỏ khí Tiền Hải thuộc vùng kinh tế nào của nước ta?

 A. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

 C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Trung Bộ.

Câu 34: Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với nước nào sau đây ?

 A. Lào, Campuchia. B. Trung Quốc, Campuchia.

 C. Thái Lan, Campuchia. D. Trung Quốc, Lào, Campuchia.

Câu 35: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là

 A. đới rừng nhiệt đới. B. đới rừng nhiệt đới gió mùa.

 C. đới rừng gió mùa cận xích đạo. D. đới rừng xích đạo.

Câu 36: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết con sông nào có diện tích lưu vực nhỏ nhất trong các sông sau?

 A. Sông Kì Cùng. B. Sông Thu Bồn.

 C. Sông Mê Công. D. Sông Ba.

Câu 37: Việt Nam vừa gắn với lục địa vừa thông ra đại dương nào ?

 A. Gắn với lục địa Á - Âu và thông ra Ấn Độ Dương.

 B. Gắn với một phần lục địa Phi thông ra Thái Bình Dương.

 C. Gắn với lục địa Á - Âu và thông ra Đại Tây Dương.

 D. Gắn với lục địa Á - Âu thông ra Thái Bình Dương.

Câu 38: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết lượng mưa cao nhất của Đà Nẵng là vào tháng mấy?

 A. Tháng VI. B. Tháng V. C. Tháng X. D. Tháng III.

Câu 39: Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc có đặc điểm nào sau đây?

 A. Nhiệt độ trung bình năm trên 250C.

 B. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 180C.

 C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

 D. Biên độ nhiệt năm cao, không có mùa đông lạnh.

Câu 40: **Cho bảng số liệu:**

Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Địa điểm | Lượng mưa (mm) | Lượng bốc hơi (mm) | Cân bằng ẩm (mm) |
| Hà Nội | 1667 | 989 | + 678 |
| Huế | 2868 | 1000 |  + 1868 |
| TP. Hồ Chí Minh | 1931 | 1686 | + 245 |

Nhận xét nào sau đây chính xác về lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm?

 A. Cân bằng ẩm thấp nhất ở Huế.

 B. Càng vào phía Nam lượng bốc hơi càng giảm.

 C. Lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam.

 D. Lượng mưa các nơi đều lớn.

------ HẾT ------

**TRƯỜNG THPT** ........

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ 1 (2023 – 2024)**

**MÔN: ĐỊA LÍ 12**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | **Câu 9** | **Câu 10** |
| D | D | C | A | A | B | A | A | D | B |
| **Câu 11** | **Câu 12** | **Câu 13** | **Câu 14** | **Câu 15** | **Câu 16** | **Câu 17** | **Câu 18** | **Câu 19** | **Câu** **20** |
| A | A | C | C | B | B | A | A | B | B |
| **Câu 21** | **Câu 22** | **Câu 23** | **Câu 24** | **Câu 25** | **Câu 26** | **Câu 27** | **Câu 28** | **Câu 29** | **Câu** **30** |
| D | D | A | D | B | D | B | D | B | A |
| **Câu 31** | **Câu 32** | **Câu 33** | **Câu 34** | **Câu 35** | **Câu 36** | **Câu 37** | **Câu 38** | **Câu 39** | **Câu** **40** |
| B | A | B | B | B | B | D | C | B | D |